

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng  
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc điều chỉnh, thay thế Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn;*

*Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Điều lệ, Tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn;*

*Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số chi trả dịch vụ môi trường rừng (Hệ số K) áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;*

*Căn cứ Công văn số 208/VNFF-BĐH ngày 13/11/2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về việc thông báo số tiền dịch vụ môi trường rừng điều phối cho năm 2021;*

*Theo đề nghị của Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số 02/TTr-QPTĐR&BVMT ngày 25/5/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*Chi tiết theo biểu đính kèm*).

**Điều 2.** Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện: Chợ Đồn, Ngân Sơn, Ba Bể, Pác Nặm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung kế hoạch đã được phê duyệt và quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể; Tổng Giám đốc Công ty TNHH

MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn; Giám đốc Quỹ Phát triển Đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Chợ Đồn, Ngân Sơn, Ba Bể, Pác Nặm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Quỹ BV và PTR Việt Nam (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (Bà Hoa);
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Ô. Thát);
- Lưu: VT, HÀNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thị Minh Hoa**

## **BIỂU 01: KẾ HOẠCH THU, CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2021**

*(Kèm theo Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH THU, CHI**

- Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt hệ số chi trả dịch vụ môi trường rừng (Hệ số K) áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Căn cứ Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc điều chỉnh, thay thế Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn;
- Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Điều lệ, Tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn;
- Căn cứ Công văn số 208/VNFF-BĐH ngày 13/11/2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về việc thông báo số tiền dịch vụ môi trường rừng điều phối cho năm 2021;
- Căn cứ Công văn số 759/STC-TCHCSN ngày 17/5/2021 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến về kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2021;
- Căn cứ ý kiến của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tỉnh.

### **II. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI**

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Kế hoạch thu</b>	<b>16.296.326.898</b>
1	Thu điều phối từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	12.104.506.372
2	Kinh phí năm 2020 chuyển sang năm 2021	4.160.820.526
3	Lãi tiền gửi Ngân hàng	31.000.000
<b>II</b>	<b>Kế hoạch chi</b>	<b>16.296.326.898</b>
1	Kinh phí quản lý Quỹ	1.543.591.094

2	Kinh phí dự phòng Quỹ	771.795.547
3	Kinh phí chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	13.980.940.257
3.1	Chủ rừng thuộc lưu vực Công ty thủy điện Tuyên Quang	11.568.635.788
3.2	Chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Chiêm Hóa	2.412.304.469

### III. CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU NĂM 2021

STT	Bên sử dụng DVMTR	Đơn vị	Sản lượng, doanh thu năm 2021	Mức chi trả (đồng/Kwh)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
<b>I</b>	<b>Thu điều phối từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam</b>	<b>Kwh</b>	<b>336.236.288</b>	<b>36</b>	<b>12.104.506.372</b>
1	Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Kwh	291.613.978	36	10.498.103.203
2	Nhà máy Thủy điện Chiêm Hóa	Kwh	44.622.310	36	1.606.403.169
<b>II</b>	<b>Kinh phí năm 2020 chuyển 2021</b>				<b>4.160.820.526</b>
1	Kinh phí năm 2020 được Quỹ BV&PTR Việt Nam cấp bổ sung so với dự kiến điều phối năm 2020				3.300.404.570
2	Kinh phí dự phòng năm 2020 chuyển sang 2021 để chi trả cho bên cung ứng DVMTR				860.415.956
<b>III</b>	<b>Lãi tiền gửi Ngân hàng</b>				<b>31.000.000</b>
	<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>				<b>16.296.326.898</b>

#### IV. CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI NĂM 2021

##### 1. Kế hoạch phân bổ tiền

STT	Đơn vị nộp tiền DVMTR	Kế hoạch thu (đồng)	Kế hoạch phân bổ (đồng)	Trong đó		
				Chi quản lý (10%)	Trích dự phòng (5%)	Chi trả cho bên cung ứng DVMTR (85%)
(1)	(2)	(3)	(4=5+6+7)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Thu điều phối từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam. Trong đó:</b>	<b>12.104.506.372</b>	<b>12.104.506.372</b>	<b>1.210.450.637</b>	<b>605.225.319</b>	<b>10.288.830.416</b>
1	Công ty Thủy điện Tuyên Quang	10.498.103.203	10.498.103.203	1.049.810.320	524.905.160	8.923.387.723
2	Nhà máy Thủy điện Chiêm Hóa	1.606.403.169	1.606.403.169	160.640.317	80.320.158	1.365.442.694
<b>II</b>	<b>Kinh phí năm 2020 chuyển 2021. Trong đó:</b>	<b>4.160.820.526</b>	<b>4.160.820.526</b>	<b>330.040.457</b>	<b>165.020.229</b>	<b>3.665.759.841</b>
1	Kinh phí năm 2020 được Quỹ BV&PTR Việt Nam cấp bổ sung so với dự kiến điều phối năm 2020	3.300.404.570	3.300.404.570	330.040.457	165.020.229	2.805.343.885
2	Kinh phí dự phòng năm 2020 chuyển sang 2021 để chi trả cho bên cung ứng DVMTR	860.415.956	860.415.956			860.415.956
<b>III</b>	<b>Lãi tiền gửi Ngân hàng</b>	<b>31.000.000</b>	<b>31.000.000</b>	<b>3.100.000</b>	<b>1.550.000</b>	<b>26.350.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16.296.326.898</b>	<b>16.296.326.898</b>	<b>1.543.591.094</b>	<b>771.795.547</b>	<b>13.980.940.257</b>

#### V. THUYẾT MINH KẾ HOẠCH THU, CHI

##### 1. Kế hoạch thu:

- Đối tượng phải trả tiền DVMTR: Gồm Công ty thủy điện Tuyên Quang và Nhà máy thủy điện Chiêm Hóa.
- Thời gian thực hiện thu tiền DVMTR: Trong năm 2021.

- Mức thu tiền DVMTR: Đối với cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/kwh điện thương phẩm, quy định tại Khoản 1, Điều 59, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Tổng kinh phí thu năm 2021: 16.296.326.898 đồng

*(Bằng chữ: Mười sáu tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng)*

*Trong đó:*

+ Kế hoạch thu năm 2021: 12.104.506.372 đồng.

+ Kinh phí năm 2020 chuyển sang năm 2021: 4.160.820.526 đồng.

+ Thu lãi tiền gửi Ngân hàng: 31.000.000 đồng.

## **2. Kế hoạch chi:**

- Đối tượng chi: Chủ rừng là Tổ chức; Ủy ban nhân dân cấp xã; Hộ gia đình, cá nhân; Cộng đồng dân cư thôn thuộc 04 huyện Chợ Đồn, Ngân Sơn, Ba Bể và Pác Nặm.

- Tổng dự toán chi năm 2021: 16.296.326.898 đồng

*(Bằng chữ: Mười sáu tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng)*

*Trong đó:*

- Kinh phí quản lý: 1.543.591.094 đồng

- Kinh phí dự phòng: 771.795.547 đồng

- Kinh phí chi trả cho các chủ rừng: 13.980.940.257 đồng

**3. Đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng:** Căn cứ kết quả rà soát, xác định diện tích rừng được chi trả trong lưu vực. Quỹ tình phân bổ chi tiết đơn giá chi trả cho các chủ rừng tại biểu mẫu số 01 và biểu mẫu số 02 quy định tại Phụ lục V, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Áp dụng theo hệ số K = 1 bình quân cho 01ha rừng).

#### **4. Thời gian và phương pháp thực hiện chi trả:**

- Thời gian chi trả: Chi trả cho các chủ rừng trước ngày 01/6/2022, quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Phương pháp chi trả: Thực hiện chi trả cho tất cả các chủ rừng nằm trong lưu vực được chi trả qua hệ thống tài khoản được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn.

#### **5. Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng:**

- Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường phân bổ tính kinh phí cho các chủ rừng, tại biểu mẫu số 01 và mẫu 02, quy định tại Phụ lục V, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, được xác nhận giữa Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường với cơ quan Kiểm lâm và UBND cấp xã.
- Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh căn cứ kế hoạch được phê duyệt sử dụng nguồn kinh phí theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.
- Các chủ rừng là tổ chức căn cứ nguồn kinh phí được cấp sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Điểm c và Điểm d, Khoản 3, Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.
- Các chủ rừng là UBND cấp xã căn cứ nguồn kinh phí được cấp, xây dựng phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng trình UBND cấp huyện phê duyệt và gửi Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường, quy định tại Khoản 4 Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.
- Các chủ rừng là Hộ gia đình, cá nhân, Cộng đồng dân cư được sử dụng toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng nâng cao đời sống quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

#### **6. Trách nhiệm xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng:**

- Sở Tài chính xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường, quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 71, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.
- Cơ quan quản lý trực tiếp xét duyệt quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là tổ chức, quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 71, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.
- Cơ quan tài chính cấp huyện xét duyệt quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là UBND cấp xã, quy định tại Điểm g Khoản 4 Điều 71, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

### **7. Công tác kiểm tra, giám sát:**

- Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng là tổ chức, UBND cấp xã, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.
- UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh giám sát việc thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho hộ gia đình, cá nhân, đồng thời giám sát việc quản lý sử dụng nguồn kinh phí của cộng đồng dân cư thôn.
- Chủ rừng là tổ chức có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bên nhận khoán.

### **8. Tổ chức thực hiện:**

- Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện tốt kế hoạch chi trả tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đảm bảo tiến độ và đúng quy định.
- Sở Nông nghiệp và PTNT: Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tỉnh phối hợp với Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát, xác định diện tích rừng được chi trả DVMTR cho các chủ rừng là tổ chức, UBND cấp xã, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trên cơ sở cập nhật bản đồ chi trả DVMTR từ kết quả theo dõi diễn biến rừng. Giao nhiệm vụ cho Hạt Kiểm lâm các huyện tổ chức kiểm tra diện tích rừng có cung ứng DVMTR theo đúng quy định.
- Sở Tài chính: Xét duyệt báo cáo quyết toán nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh và chủ rừng có liên quan theo đúng quy định.
- Ủy ban nhân dân các huyện:
  - + Chỉ đạo các phòng chuyên môn là phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định phương án sử dụng tiền DVMTR và xét duyệt báo cáo quyết toán của chủ rừng là UBND cấp xã trên địa bàn huyện.
  - + Chỉ đạo UBND các xã phối hợp với Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh; Hạt Kiểm lâm huyện triển khai rà soát diện tích cung ứng DVMTR, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong tranh chấp về vị trí, diện tích rừng, chông lán danh giới giữa các chủ rừng quản lý rừng đảm bảo cho việc chi trả DVMTR đúng đối tượng.
  - + Chỉ đạo UBND các xã báo cáo tình thực hiện chi trả DVMTR về Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh theo đúng quy định.



**BIỂU 02 : DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT, RỪNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2021**

*(Kèm theo Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 17/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

TT	Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)	(7)
1	Chi thường xuyên				900.000.000	Trên cơ sở dự toán được phê duyệt Quỹ tỉnh sẽ phân bổ nguồn kinh phí theo điều kiện thực tế tại đơn vị
2	Chi không thường xuyên				643.591.094	
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.543.591.094</b>	

*(Số tiền bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi một nghìn không trăm chín mươi tư đồng)*